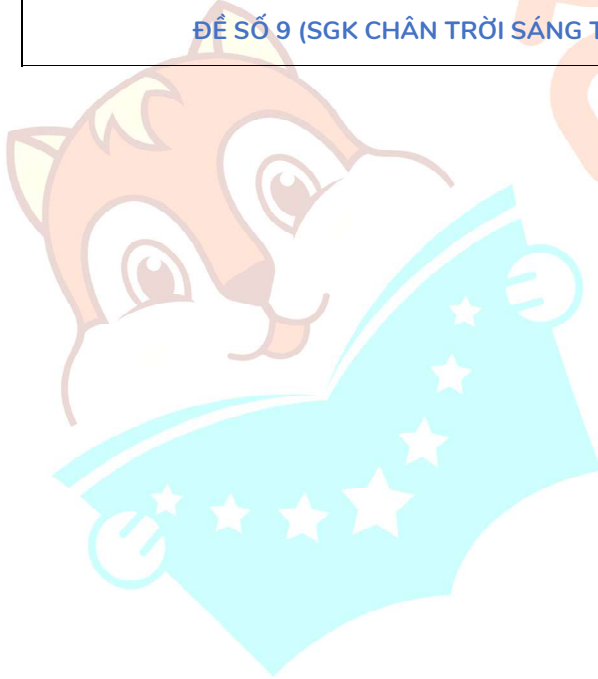


MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II LỚP 4	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	22
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	24
ĐỀ SỐ 3 (SGK CÁNH DIỀU)	7	26
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	28
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	29
ĐỀ SỐ 6 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	13	31
ĐỀ SỐ 7 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	15	33
ĐỀ SỐ 8 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	17	35
ĐỀ SỐ 9 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	19	37



A. HỆ THỐNG ĐỀ KIỂM TRA



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

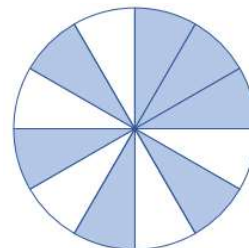
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Tìm phân số chỉ phần đã tô màu trong hình vẽ bên.

- A. $\frac{5}{12}$. B. $\frac{6}{12}$.
C. $\frac{7}{12}$. D. $\frac{8}{12}$.



Câu 2. Phân số có tử số lớn hơn mẫu số là phân số:

- A. lớn hơn 1. B. bé hơn 1. C. bằng 1. D. bằng 2.

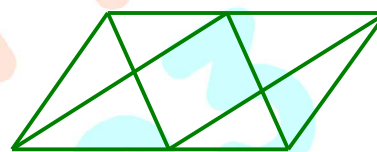
Câu 3. Cho: $\frac{12}{16} = \frac{\dots}{4}$

Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

- A. 12 B. 3. C. 6. D. 2.

Câu 4. Hình vẽ bên có bao nhiêu hình bình hành?

- A. 2 hình. B. 3 hình.
C. 4 hình. D. 5 hình.



Câu 5. Điền dấu ">, <, =" thích hợp vào chỗ chấm:

$18 \text{ m}^2 3 \text{ dm}^2 \dots 183 \text{ dm}^2$

- A. >. B. <. D. không thể so sánh.

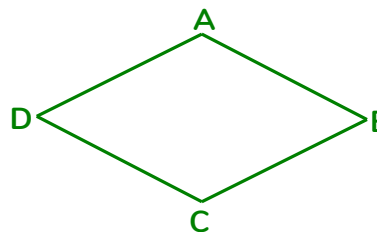
Câu 6. Mẫu số chung của hai phân số $\frac{3}{7}$ và $\frac{4}{9}$ là:

- A. 12. B. 63. C. 28. D. 56.

Câu 7. Cho hình thoi ABCD như hình vẽ bên:

Nhận xét nào sau đây không đúng?

- A. $AB = BC = CD = DA$.
B. AB song song với CD.
C. AD song song với BC.
D. AC song song với BD.



Câu 8. Một ô tô giờ đầu đi được $\frac{3}{8}$ quãng đường, giờ tiếp theo

đi được hơn giờ đầu $\frac{1}{8}$ quãng đường. Hỏi sau hai giờ ô tô đó đi

được bao nhiêu phần của quãng đường?

- A. $\frac{1}{8}$ quãng đường. B. $\frac{4}{8}$ quãng đường.
C. $\frac{5}{8}$ quãng đường. D. $\frac{7}{8}$ quãng đường.



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S** vào ô trống:

a) $1 \text{ m}^2 = 10\,000 \text{ mm}^2$

b) $50\,000 \text{ cm}^2 = 5 \text{ m}^2$

c) $805 \text{ cm}^2 = 80 \text{ dm}^2 5 \text{ cm}^2$

d) $10 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 = 1\,002 \text{ cm}^2$

Bài 2. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{7}{9} + \frac{5}{9}$

b) $\frac{23}{18} - \frac{17}{18}$

c) $\frac{7}{15} + \frac{4}{5}$

d) $\frac{2}{3} + \frac{4}{5}$

Bài 3. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 192 m, chiều rộng kém chiều dài 4 m. Người ta cấy lúa trên thửa ruộng đó, trung bình cứ 100 m² thu hoạch được 70 kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?**Bài 4.** Tìm một phân số tối giản $\frac{x}{y}$ thỏa mãn: $\frac{1}{3} < \frac{x}{y} < \frac{2}{3}$ **Trả lời:**.....

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Hoa có 12 cái bánh. Hoa đã ăn hết 5 cái bánh. Phân số chỉ số bánh Hoa đã ăn so với tổng số bánh là:

- A. $\frac{5}{12}$. B. $\frac{5}{7}$. C. $\frac{7}{12}$. D. $\frac{12}{5}$.

Câu 2. Trong các phân số dưới đây, phân số bằng phân số $\frac{3}{4}$ là:

- A. $\frac{9}{16}$. B. $\frac{12}{16}$. C. $\frac{6}{12}$. D. $\frac{9}{8}$.

Câu 3. Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{3}{4}$ và $\frac{4}{9}$ ta được hai phân số nào dưới đây?

- A. $\frac{12}{8}$ và $\frac{18}{8}$. B. $\frac{8}{27}$ và $\frac{1}{3}$. C. $\frac{18}{27}$ và $\frac{12}{27}$. D. $\frac{27}{36}$ và $\frac{16}{36}$.

Câu 4. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $8\text{ m}^2\ 6\text{ cm}^2 = \dots\text{ cm}^2$ là:

- A. 806. B. 8006. C. 80 006. D. 800 006.

Câu 5. Một vòi nước chảy vào một bể. Giờ thứ nhất vòi nước chảy được $\frac{2}{7}$ bể, giờ thứ hai vòi nước chảy tiếp được $\frac{1}{5}$ bể. Hỏi sau hai giờ vòi đó chảy được bao nhiêu phần của bể?

- A. $\frac{17}{35}$ bể. B. $\frac{18}{35}$ bể. C. $\frac{16}{35}$ bể. D. $\frac{19}{35}$ bể.



Câu 6. Chu vi hình thoi có cạnh dài 3 cm là:

- A. 9 cm. B. 12 cm. C. 15 cm. D. 18 cm.

Câu 7. Điền phân số thích hợp vào chỗ chấm: $\frac{19}{5} - \dots = \frac{2}{5}$

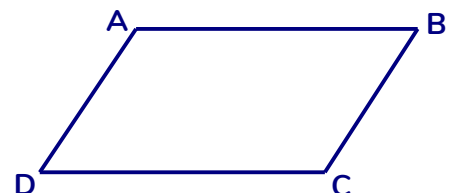
- A. $\frac{17}{5}$. B. $\frac{21}{5}$. C. $\frac{16}{5}$. D. $\frac{22}{5}$.

Câu 8. Trong hình bình hành ABCD có:

- a) AB song song với CD b) AB vuông góc với CD
c) AB = DC và AD = BC d) AB = BC = CD = DA

Có bao nhiêu nhận xét đúng trong các nhận xét trên?

- A. 1. B. 2.
C. 3. D. 4.



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền dấu “>, <, =” thích hợp vào ô trống:

a) $\frac{11}{15} \square 1$

b) $\frac{15}{11} \square 1$

c) $\frac{3}{4} \square \frac{5}{6}$

d) $\frac{1}{3} \square \frac{1}{4}$

Bài 2. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{13}{7} - \frac{5}{7} + \frac{4}{9}$

b) $\frac{3}{7} + \frac{4}{9} + \frac{4}{7} + \frac{5}{9}$

Bài 3. Trong giờ thủ công, cô giáo đưa cho Lan hai tờ giấy màu hình chữ nhật và hình vuông. Biết

tờ giấy màu hình chữ nhật có nửa chu vi là $\frac{43}{5}$ cm, chiều dài hơn chiều rộng $\frac{3}{5}$ cm. Chiều rộng của

tờ giấy màu hình chữ nhật bằng cạnh của tờ giấy màu hình vuông. Hỏi tờ giấy màu hình vuông có diện tích là bao nhiêu mi-li-mét vuông?

Bài 4. Viết phân số $\frac{9}{20}$ thành tổng hai phân số tối giản có cùng tử số và mẫu số khác nhau.

Trả lời:



ĐỀ SỐ 3

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Phân số “sáu phần năm” được viết là:

- A. $\frac{6}{5}$. B. $\frac{5}{6}$. C. $\frac{5}{11}$. D. $\frac{6}{11}$.

Câu 2. Một lớp học có 18 học sinh nữ và 12 học sinh nam. Hỏi số học sinh nam chiếm bao nhiêu phần số học sinh cả lớp?

- A. $\frac{2}{5}$. B. $\frac{2}{3}$. C. $\frac{3}{5}$. D. $\frac{3}{2}$.

Câu 3. Trong các phân số sau, có bao nhiêu phân số bé hơn 1?

$$\frac{13}{14}; \frac{0}{12}; \frac{12}{11}; \frac{15}{15}; \frac{9}{14}; \frac{12}{7}$$

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 4. Chọn đáp án thích hợp để thay vào dấu “?”: $3 \text{ m}^2 5 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots? \dots\dots\dots$

- A. 35 cm^2 . B. 305 cm^2 . C. 3005 cm^2 . D. $30\,005 \text{ cm}^2$.

Câu 5. Diện tích mặt bàn học sinh khoảng:

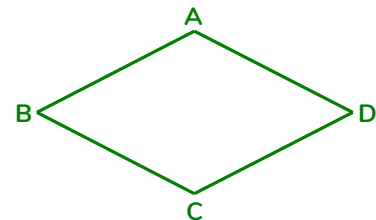
- A. 48 mm^2 . B. 48 cm^2 .
C. 48 dm^2 . D. 48 m^2 .



Câu 6. Cho hình thoi ABCD:

Nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. AB không song song với DC.
B. AB vuông góc với AD.
C. Chỉ có một cặp cạnh đối diện song song là AB và CD.
D. $AB = BC = CD = DA$.



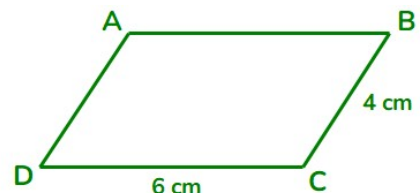
Câu 7. Bác thợ mộc làm một hộp gỗ hết $\frac{3}{5}$ giờ, làm một khay gỗ hết $\frac{1}{5}$ giờ. Thời gian bác làm một

hộp gỗ nhiều hơn một khay gỗ là:

- A. $\frac{1}{5}$ giờ. B. $\frac{2}{5}$ giờ. C. $\frac{3}{5}$ giờ. D. $\frac{4}{5}$ giờ.

Câu 8. Chu vi hình bình hành ABCD trong hình vẽ bên là:

- A. 10 cm. B. 12 cm.
C. 20 cm. D. 24 cm.



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Điền dấu “>, <, =” thích hợp vào ô trống:

a) $1 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2$ 15 dm^2

b) 12 000 mm^2 120 cm^2

c) 2 034 dm^2 $200 \text{ m}^2 34 \text{ dm}^2$

d) 1 m^2 10 000 cm^2

Bài 2.

1) Thực hiện phép tính: $\frac{9}{10} - \left(\frac{2}{5} + \frac{3}{10}\right) + \frac{7}{20}$

2) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm:

a) - $\frac{4}{9} = \frac{1}{9}$

b) $\frac{2}{8} + \text{.....} = \frac{5}{8}$

Bài 3. Một hình chữ nhật có nửa chu vi là $\frac{47}{2}$ cm. Nếu chiều dài bớt đi $\frac{11}{2}$ cm thì sẽ được chiều rộng.

Tính chiều rộng của hình chữ nhật đó.

Bài 4. Tìm 5 phân số nằm giữa hai phân số $\frac{1}{7}$ và $\frac{1}{6}$.**Trả lời:**

ON THI

123

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Một lớp học có 18 học sinh nữ và 12 học sinh nam. Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần số học sinh cả lớp?

- A. $\frac{2}{5}$. B. $\frac{2}{3}$. C. $\frac{3}{5}$. D. $\frac{3}{2}$.

Câu 2. Phân số $\frac{1}{3}$ bằng phân số nào dưới đây?

- A. $\frac{5}{15}$. B. $\frac{10}{9}$. C. $\frac{3}{12}$. D. $\frac{15}{30}$.

Câu 3. Trong các phép tính sau, phép tính nào có kết quả lớn nhất?

- A. $272\ 000 : 8$. B. $3\ 900 \times 9$. C. $963\ 000 : 60$. D. 500×70 .

Câu 4. Mua 25 cây bút bi hết 37 500 đồng. Vậy cần số tiền để mua được 64 cây bút bi như thế là:

- A. 25 000 đồng. B. 64 000 đồng. C. 89 000 đồng. D. 96 000 đồng.

Câu 5. Trong hộp có 5 quả bóng, trong đó có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng vàng, 1 quả bóng cam, 1 quả bóng trắng, các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Rô-bốt lấy 1 quả từ trong chiếc hộp. Hỏi có bao nhiêu khả năng có thể xảy ra với màu của quả bóng được lấy ra?



- A. 3 khả năng. B. 4 khả năng. C. 5 khả năng. D. 6 khả năng.

Câu 6. Giá trị của a trong biểu thức $95 \times (a + 15) = 95 \times 85 + 95 \times 15$ là:

- A. 100. B. 15. C. 85. D. 115.

Câu 7. Trung bình cộng của các số tròn chục lớn hơn 30 và nhỏ hơn 52 là:

- A. 40. B. 90. C. 45. D. 180.

Câu 8. Rô-bốt thực hiện một cuộc khảo sát về số giờ ngủ trong một ngày của tất cả các bạn trong nhóm (không tính rô-bốt) và ghi lại kết quả thành dãy số liệu sau:

10 giờ; 9 giờ; 11 giờ; 10 giờ; 7 giờ; 11 giờ

Nhóm của rô-bốt có tất cả bao nhiêu bạn (không tính rô-bốt)?

- A. 5 bạn. B. 6 bạn. C. 7 bạn. D. 8 bạn.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $467\ 218 + 56\ 728$

b) $842\ 310 - 807\ 897$

c) 745×24

d) $87\ 830 : 35$

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $18\ 880 \times 15 - 18\ 880 \times 5$

b) $345 \times 24 + 345 \times 75 + 345$

Bài 3. Lớp 4A có 40 bạn, mỗi bạn gấp được 156 ngôi sao. Lớp 4B có 39 bạn và gấp được số ngôi sao bằng số ngôi sao của lớp 4A. Hỏi trung bình mỗi bạn lớp 4B gấp được bao nhiêu ngôi sao?**Bài 4.** Tìm y , biết: $y \times 3 + y \times 7 = 15\ 090$ **Trả lời:**

ON THI
123

ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

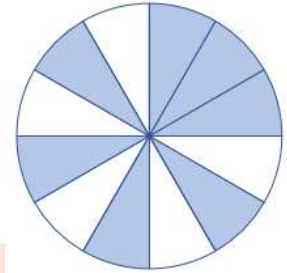
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Tìm phân số chỉ phần không được tô màu trong hình vẽ bên:

- A. $\frac{5}{12}$. B. $\frac{6}{12}$.
C. $\frac{7}{12}$. D. $\frac{8}{12}$.



Câu 2. Trung bình cộng của ba số 36, 42 và 57 là:

- A. 35. B. 305. C. 145. D. 45.

Câu 3. Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{4}{5}$ và $\frac{3}{7}$ ta được hai phân số nào dưới đây?

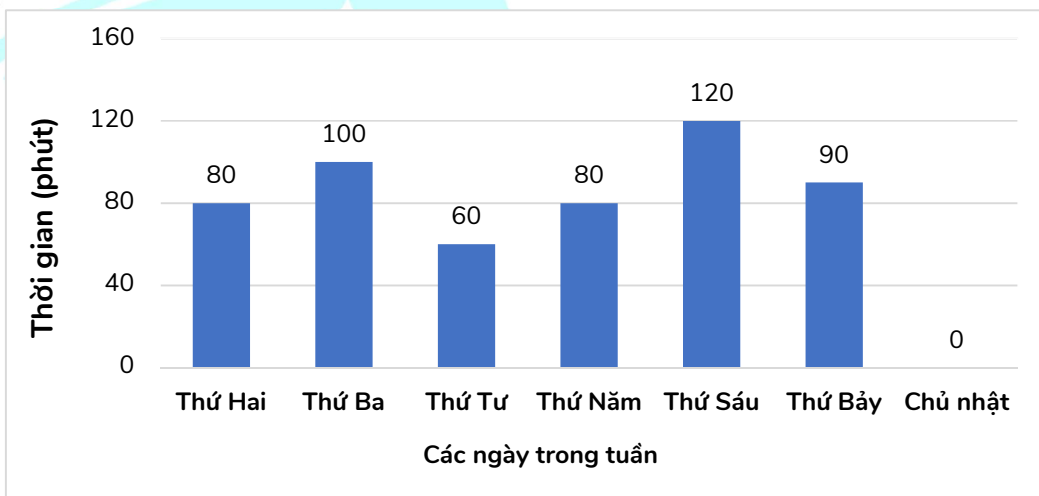
- A. $\frac{12}{35}$ và $\frac{15}{35}$. B. $\frac{28}{35}$ và $\frac{15}{35}$. C. $\frac{21}{30}$ và $\frac{20}{30}$. D. $\frac{21}{35}$ và $\frac{20}{35}$.

Câu 4. Nối các biểu thức có giá trị bằng nhau:

a) $27 \times (16 + 34)$
b) $38 \times (21 - 12)$
c) $148 \times 25 + 148 \times 75$

d) $38 \times 21 - 38 \times 12$
e) $148 \times (25 + 75)$
g) $27 \times 16 + 27 \times 34$

Câu 5. Cho biểu đồ biểu diễn thời gian tự học ở nhà của An:



Ngày nào trong tuần An tự học ở nhà nhiều nhất?

- A. Thứ Sáu. B. Thứ Bảy. C. Thứ Năm. D. Chủ nhật.

Câu 6. Hộp bút của Thảo có ba đồ dùng học tập gồm 1 bút máy, 1 bút chì và 1 bút bi. Thảo lấy ra một dụng cụ học tập từ hộp bút. Khi đó, xét các khả năng sau:



- 1) Thảo lấy được một cái bút bi.
- 2) Thảo lấy được một cái thước kẻ.
- 3) Thảo lấy được một cái bút.

Hỏi có bao nhiêu khả năng không thể xảy ra trong các khả năng trên?

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 7. Có 27 lít dầu đựng đều trong 9 cái can. Nếu có 12 lít dầu thì đựng đều trong mấy cái can như thế?

- A. 5 cái can. B. 3 cái can. C. 7 cái can. D. 4 cái can.

Câu 8. Kết quả của phép tính $81\ 000 : 100$ là:

- A. 81. B. 810. C. 8 100. D. 81 000.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Dưới đây là bảng ghi số đường đã bán của một cửa hàng trong tháng 11 năm 2023:

Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4
2 050 kg	2 130 kg	2 210 kg	2 290 kg

- a) Trung bình mỗi tuần cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường?
- b) Trung bình mỗi ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường? (Coi như ngày nào cũng bán hàng)

Bài 2.

1) Tìm y , biết:

- a) $7875 : y = 45$ b) $y : 3435 = 18$

2) Tính giá trị của biểu thức sau:

- a) $25800 : 100 + 32 \times 11$ b) $789 \times 101 - 789$

Bài 3. Lúc đầu nhà trường thuê 3 xe ô tô chở vừa đủ 120 học sinh khối Ba đi tham quan. Sau đó có thêm 80 học sinh khối Bốn đi cùng. Hỏi phải thuê tất cả bao nhiêu xe loại đó để chở hết học sinh khối Ba và học sinh khối Bốn đi tham quan?

Bài 4. Tìm số bị chia và số chia bé nhất để phép chia đó có thương là 123 và số dư là 44.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 6

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Mai có 9 chiếc vòng gồm 3 chiếc màu vàng, 2 chiếc màu trắng và 4 chiếc màu hồng. Phân số chỉ số phần chiếc vòng màu hồng trong tổng số chiếc vòng của Mai là:

- A. $\frac{3}{4}$. B. $\frac{4}{9}$. C. $\frac{2}{3}$. D. $\frac{3}{9}$.

Câu 2. Trong các cặp phân số dưới đây, cặp phân số nào bằng nhau?

- A. $\frac{6}{5}$ và $\frac{5}{6}$. B. $\frac{4}{5}$ và $\frac{5}{6}$. C. $\frac{4}{5}$ và $\frac{16}{20}$. D. $\frac{6}{5}$ và $\frac{18}{20}$.

Câu 3. Cho: $\times 90 = 34\ 100 + 23\ 500$

Số thích hợp để điền vào ô trống là:

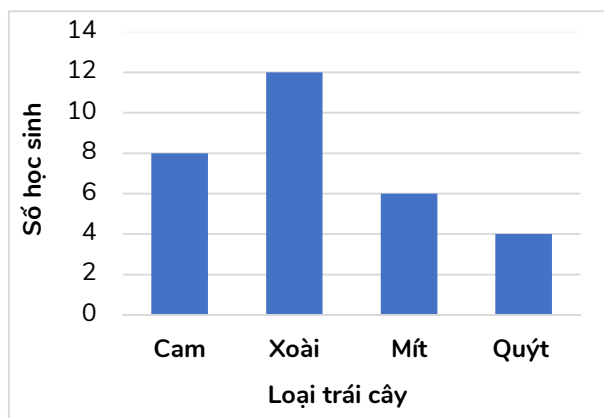
- A. 64. B. 6 400. C. 6 040. D. 640.

Câu 4. Có 4 chiếc can đựng dầu lần lượt là: 46 lít; 40 lít; 38 lít; 44 lít. Trung bình mỗi can đựng số lít dầu là:

- A. 44 lít dầu. B. 43 lít dầu. C. 42 lít dầu. D. 41 lít dầu.

Câu 5. Biểu đồ bên cho biết thông tin về các loại trái cây yêu thích của tất cả các bạn học sinh lớp 4A. Hỏi lớp 4A có tất cả bao nhiêu học sinh? Biết rằng, mỗi bạn chỉ chọn 1 loại trái cây.

- A. 34 học sinh. B. 30 học sinh.
C. 32 học sinh. D. 36 học sinh.



Câu 6. 2 ki-lô-gam gạo tẻ giá 84 000 đồng. Hỏi nếu mua 3 kg gạo tẻ thì hết bao nhiêu tiền?

- A. 42 000 đồng. B. 84 000 đồng.
C. 126 000 đồng. D. 252 000 đồng.

Câu 7. Cho hai biểu thức: $M = 6 \times 32 + 6 \times 68$ và $N = 6 \times (32 + 68)$

Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $M = N$.

B. $M > N$.

C. $M < N$.

D. Không thể so sánh được.

Câu 8. Một lồng quay xổ số có chứa 10 quả bóng có cùng kích thước được đánh số từ 0 đến 9. Sau mỗi lần quay chỉ có đúng một quả bóng lọt xuống lỗ. Sau khi ghi lại số của quả bóng này, bóng được trả lại lồng để thực hiện lần quay tiếp theo. Có bao nhiêu khả năng có thể xảy ra trong mỗi lần quay?



A. 7.

B. 8.

C. 9.

D. 10.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $186\ 954 + 247\ 436$

b) $839\ 084 - 246\ 937$

c) 428×39

d) $4\ 928 : 44$

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $25 \times 12 \times 30 \times 4$

b) $248 \times 2005 - 2005 \times 148$

Bài 3. Biết rằng trung bình cân nặng của ba bạn Hoàng, An và Nam là 33 kg, trong đó bạn Hoàng cân nặng 35 kg, bạn An cân nặng 31 kg. Hỏi bạn Nam cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài 4. Mua 5 bút xanh và 3 bút đỏ hết 19 000 đồng. Số tiền mua 5 bút xanh nhiều hơn 2 bút đỏ là 4 000 đồng. Tính giá tiền 1 bút đỏ.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 7

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

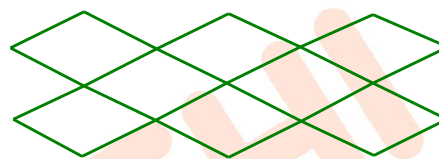
Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Hiệu của số nhỏ nhất có sáu chữ số và số lớn nhất có bốn chữ số là:

- A. 90 001. B. 900 001. C. 101 112. D. 110 000.

Câu 2. Hình vẽ bên có bao nhiêu hình thoi?

- A. 7 hình. B. 8 hình.
C. 9 hình. D. 10 hình.

Câu 3. Thương của phép chia $125\ 000 : 500$ gồm bao nhiêu chữ số 0?

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 4. Cho: $5\text{dm}^2\ 28\text{mm}^2 = \dots\dots\text{mm}^2$

Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 5028. B. 528. C. 50 028. D. 500 028.

Câu 5. Một trường Tiểu học cần thuê một số xe ô tô chở hết 164 học sinh lớp 4 đi tham quan. Nếu mỗi xe chở được 40 học sinh thì trường tiểu học đó cần thuê ít nhất xe.

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 6. Cho: $\dots\dots \times 47 + \dots\dots \times 53 = 100 \times (47 + 53)$

Các số được điền vào chỗ chấm theo thứ tự từ trái sang phải lần lượt là:

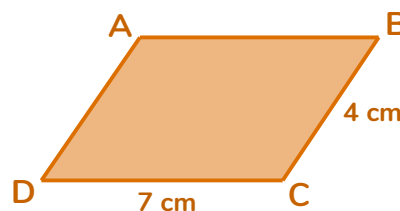
- A. 100; 53. B. 100; 47. C. 53; 47. D. 100; 100.

Câu 7. Tổng của hai số là số chẵn lớn nhất có 2 chữ số, số lớn hơn số bé 10 đơn vị. Số lớn là:

- A. 66. B. 54.
C. 1006. D. 10 006.

Câu 8. Chu vi của hình bình hành ABCD trong hình vẽ bên là:

- A. 11 cm.
B. 22 cm.
C. 28 cm.
D. 14 cm.



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $186\ 954 + 247\ 436$

b) $849\ 084 - 246\ 937$

c) 123×45

d) $180\ 891 : 15$

Bài 2.

1) Tìm y , biết: $y - 125\ 945 = 215\ 879 \times 3$

2) Tính thuận tiện: $720 \times 2 + 720 \times 3 + 720 \times 5$

Bài 3. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 192 m, chiều rộng kém chiều dài 4 m. Người ta cấy lúa trên thửa ruộng đó, trung bình cứ 100 m² thu hoạch được 70 kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Bài 4. Trong một phép chia có số chia là 33, số dư 12. Hỏi phải thêm vào số bị chia bao nhiêu đơn vị để phép chia thành phép chia hết và thương tăng 2 đơn vị?

Trả lời:



ĐỀ SỐ 8

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

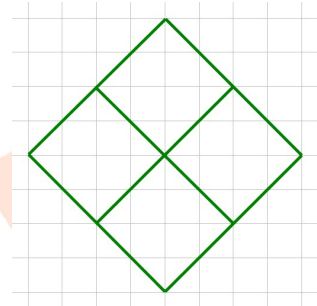
Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

$$138\ 254 = 130\ 000 + \boxed{} + 200 + 50 + 4$$

Câu 2. Hình bên có tất cả bao nhiêu hình thoi?

- A. 1 hình.
- B. 4 hình.
- C. 5 hình.
- D. 6 hình.



Câu 3. Hiện nay để giúp giải quyết bài toán ô nhiễm đô thị, ô tô điện đang trở nên phổ biến hơn bao giờ hết. Nhiều quốc gia đang tiến tới việc cấm ô tô sử dụng xăng, dầu. Tính trên toàn thế giới, tổng sản lượng xe ô tô trong các năm 2016, 2017, 2018, 2019 lần lượt là:

72 105 435 ; 73 456 531 ; 70 498 388 ; 67 149 196.

Hỏi trong các năm trên, thế giới sản xuất được nhiều ô tô nhất vào năm nào?

- A. Năm 2016.
- B. Năm 2017.
- C. Năm 2018.
- D. Năm 2019.



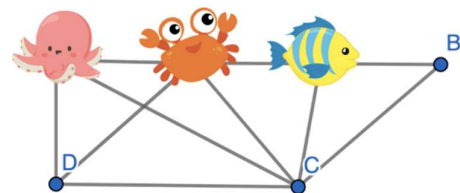
Câu 4. Diện tích của một nhãn vở khoảng:

- A. 15mm².
- B. 15cm².
- C. 15dm².
- D. 15m².

Câu 5. Quan sát hình bên và viết tên con vật (con bạch tuộc, con cua, con cá) thích hợp vào chỗ chấm:

Con vật che mắt đỉnh A của hình bình hành ABCD là:

.....

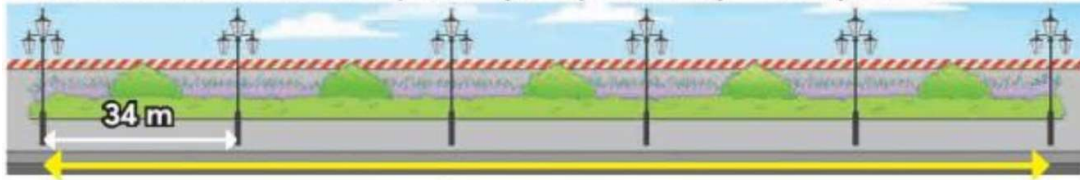


Câu 6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: 500mm² = cm².

Câu 7. Ước lượng thương của phép chia 159 : 38 ta được thương là:

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.

Câu 8. Người ta dựng các cột đèn ở một bên của một đoạn đường dài. Chiều dài của đoạn đường tính từ cột đèn đầu tiên đến cột đèn cuối cùng là 680m. Khoảng cách giữa hai cột đèn liền nhau là 34m. Hỏi có tất cả bao nhiêu cột đèn trên đoạn đường đó?



- A. 20 cột đèn. B. 19 cột đèn. C. 21 cột đèn. D. 22 cột đèn.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $368\ 513 + 206\ 567$

b) $926\ 485 - 62\ 926$

c) 217×45

d) $3648 : 32$

Bài 2.

a) Tìm x , biết:

$10 \times x + 23 = 53$

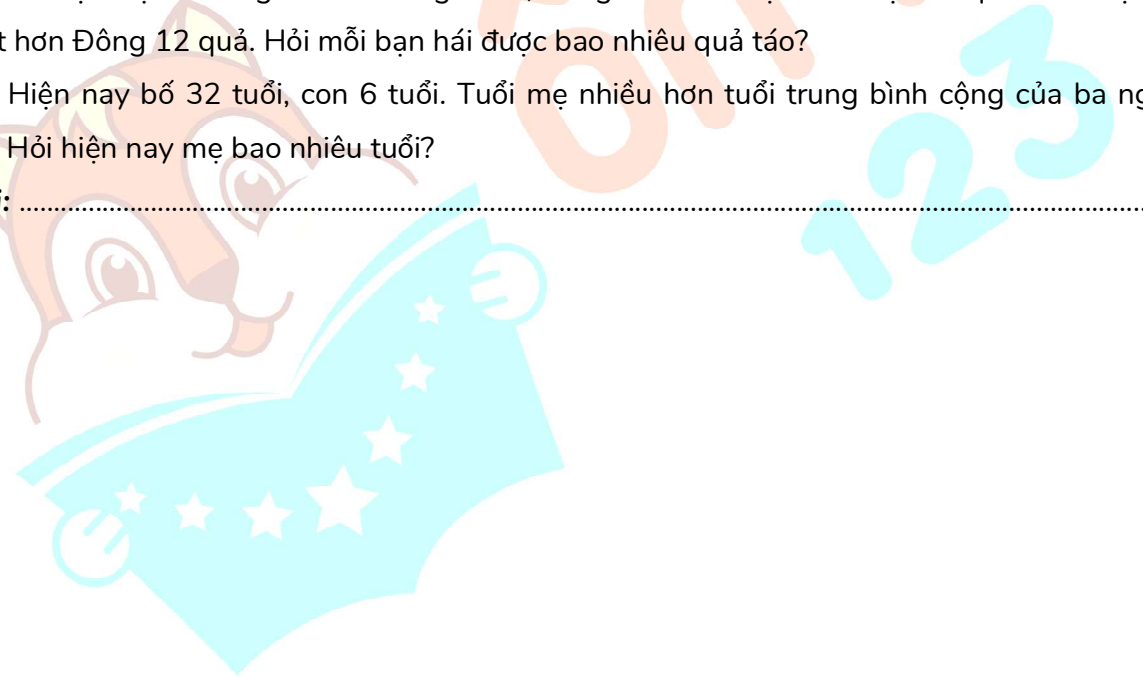
b) Tính bằng cách thuận tiện:

$123 \times 350 + 123 \times 649 + 123$

Bài 3. Hai bạn Hạ và Đông hái táo trong vườn, trung bình mỗi bạn hái được 65 quả. Biết Hạ hái được ít hơn Đông 12 quả. Hỏi mỗi bạn hái được bao nhiêu quả táo?

Bài 4. Hiện nay bố 32 tuổi, con 6 tuổi. Tuổi mẹ nhiều hơn tuổi trung bình cộng của ba người là 6 tuổi. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi?

Trả lời:



ĐỀ SỐ 9

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

× 100 = 18 600.

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ trống

Bạn Nam chơi xếp hình. Bạn xếp hai mảnh ghép hình vuông lại với nhau thành một hình chữ nhật. Biết mỗi cạnh hình vuông có độ dài là 1cm. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.



Diện tích của hình chữ nhật đó là:mm².

Câu 3. Trên Trái Đất, các nhà khoa học đã nhận biết được 1 770 300 loài sinh vật. Trong đó, có 4200 loài động vật có vú và 9000 loài chim, 5100 loài động vật bò sát, 31 000 loài động vật lưỡng cư, 21 000 loài cá, 1 300 000 loài động vật không có xương sống, 250 000 loài thực vật bậc cao, 150 000 loài thực vật bậc thấp. Hỏi loài sinh vật nào có số lượng nhiều nhất?



- A. Động vật bò sát.
- B. Động vật không có xương sống.
- C. Thực vật bậc cao.
- D. Thực vật bậc thấp.

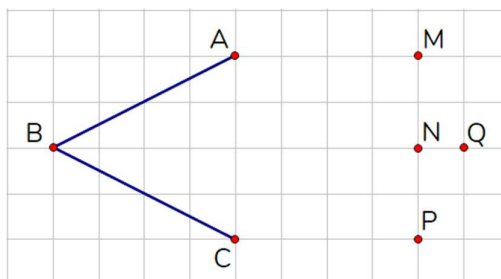
Câu 4. Một đội sản xuất trung bình mỗi tháng sản xuất được 4500 sản phẩm. Trong một năm, đội đó sản xuất được số sản phẩm là:

- A. 45 000 sản phẩm.
- B. 118 000 sản phẩm.
- C. 90 000 sản phẩm.
- D. 54 000 sản phẩm.

Câu 5. Viết các số thích hợp vào chỗ trống:

$(a + 97) + 3 = a + (97 + \dots) = a + \dots$

Câu 6. Nối 4 điểm nào để được 1 hình thoi?



- A. Bốn điểm A, B, C, P.
- B. Bốn điểm A, B, C, Q.
- C. Bốn điểm A, B, C, N.
- D. Bốn điểm A, B, C, M.

Câu 7. Một cửa hàng có 4000 viên bi, số bi đó được chia vào các hộp, mỗi hộp chứa 80 viên bi. Hỏi cần tất cả bao nhiêu hộp như thế để chứa hết số viên bi đó?

- A. 500 hộp. B. 60 hộp. C. 40 hộp. D. 50 hộp.

Câu 8. Một người viết liên tiếp nhóm chữ cái VUIHOCTOAN VUIHOCTOAN... Tô màu lần lượt các chữ cái bằng 6 màu Đỏ, Cam, Vàng, Lục, Lam, Tím. Hỏi chữ V thứ 150 được tô màu gì?

- A. Màu đỏ. B. Màu vàng. C. Màu lam. D. Màu tím.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $579\ 108 + 225\ 956$

b) $4\ 358\ 179 - 429\ 085$

c) 372×36

d) $16\ 325 : 27$

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $1602 : 3 + 1398 : 3$;

b) $(2024 \times 99 + 2024) - (2023 \times 101 - 2023)$.

Bài 3. Vườn trường Hạnh phúc dạng hình chữ nhật có chu vi là 166m và chiều rộng kém chiều dài 13m.

a) Tính diện tích của vườn trường.

b) Trên đó người ta trồng rau cải xanh, cứ mỗi mét vuông thu hoạch được 5kg rau cải xanh.

Hỏi trên cả vườn trường đó thu hoạch được bao nhiêu tạ rau cải xanh?

Bài 4. Khi nhân một số tự nhiên với 25, do lúng túng, bạn Lan đã viết nhầm thêm chữ số 3 vào bên phải thừa số 25 nên đã làm cho kết quả tăng 32 376 đơn vị. Em hãy giúp bạn tìm tích đúng của phép nhân đó.

Trả lời:

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán Lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	B	C	A	B	D	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) $1 \text{ m}^2 = 10\,000 \text{ mm}^2$

b) $50\,000 \text{ cm}^2 = 5 \text{ m}^2$

c) $805 \text{ cm}^2 = 80 \text{ dm}^2 5 \text{ cm}^2$

d) $10 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 = 1\,002 \text{ cm}^2$

Lời giải

a) **S**

b) **Đ**

c) **S**

d) **Đ**

Bài 2 (1,5 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $\frac{7}{9} + \frac{5}{9}$

b) $\frac{23}{18} - \frac{17}{18}$

c) $\frac{7}{15} + \frac{4}{5}$

d) $\frac{2}{3} + \frac{4}{5}$

Lời giải

a) $\frac{7}{9} + \frac{5}{9} = \frac{12}{9} = \frac{4}{3}$

b) $\frac{23}{18} - \frac{17}{18} = \frac{6}{18} = \frac{1}{3}$

c) $\frac{7}{15} + \frac{4}{5} = \frac{7}{15} + \frac{12}{15} = \frac{19}{15}$

d) $\frac{2}{3} + \frac{4}{5} = \frac{10}{15} + \frac{12}{15} = \frac{22}{15}$

(học sinh viết kết quả dưới dạng phân số tối giản)

Bài 3 (2 điểm). Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 192 m, chiều rộng kém chiều dài 4 m. Người ta cấy lúa trên thửa ruộng đó, trung bình cứ 100 m² thu hoạch được 70 kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Lời giải

Nửa chu vi thửa ruộng hình chữ nhật là: $192 : 2 = 96$ (m)

Chiều dài thửa ruộng hình chữ nhật là: $(96 + 4) : 2 = 50$ (m)

Chiều rộng thửa ruộng hình chữ nhật là: $96 - 50 = 46$ (m)

Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là: $50 \times 46 = 2\,300$ (m²)

Trên cả thửa ruộng đó thu hoạch được số ki-lô-gam thóc là: $70 \times 2\,300 : 100 = 1\,610$ (kg)

Đáp số: 1 610 kg thóc

Bài 4 (0,5 điểm). Tìm một phân số tối giản $\frac{x}{y}$ thoả mãn: $\frac{1}{3} < \frac{x}{y} < \frac{2}{3}$

Lời giải

Trả lời: $\frac{x}{y} = \frac{1}{2}$

Ta có:

$$\frac{1}{3} < \frac{x}{y} < \frac{2}{3}$$

$$\frac{1 \times 2}{3 \times 2} < \frac{x}{y} < \frac{2 \times 2}{3 \times 2}$$

$$\frac{2}{6} < \frac{x}{y} < \frac{4}{6}$$

Suy ra, $\frac{x}{y} = \frac{3}{6} = \frac{1}{2}$.

Vậy $\frac{x}{y} = \frac{1}{2}$.



ON THI
123

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán Lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	D	C	A	B	A	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Điền dấu ">, <, =" thích hợp vào ô trống:

a) $\frac{11}{15} \square 1$ b) $\frac{15}{11} \square 1$ c) $\frac{3}{4} \square \frac{5}{6}$ d) $\frac{1}{3} \square \frac{1}{4}$

Lời giải

a) $\frac{11}{15} \square < 1$ b) $\frac{15}{11} \square > 1$ c) $\frac{3}{4} \square < \frac{5}{6}$ d) $\frac{1}{3} \square > \frac{1}{4}$

Bài 2 (1,5 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $\frac{13}{7} - \frac{5}{7} + \frac{4}{9}$ b) $\frac{3}{7} + \frac{4}{9} + \frac{4}{7} + \frac{5}{9}$

Lời giải

a) $\frac{13}{7} - \frac{5}{7} + \frac{4}{9} = \frac{8}{7} + \frac{4}{9} = \frac{72}{63} + \frac{28}{63} = \frac{100}{63}$

b) $\frac{3}{7} + \frac{4}{9} + \frac{4}{7} + \frac{5}{9} = \left(\frac{3}{7} + \frac{4}{7}\right) + \left(\frac{4}{9} + \frac{5}{9}\right) = \frac{7}{7} + \frac{9}{9} = 1 + 1 = 2$

Bài 3 (2 điểm). Trong giờ thủ công, cô giáo đưa cho Lan hai tờ giấy màu hình chữ nhật và hình vuông. Biết tờ giấy màu hình chữ nhật có nửa chu vi là $\frac{43}{5}$ cm, chiều dài hơn chiều rộng $\frac{3}{5}$ cm. Chiều rộng của tờ giấy màu hình chữ nhật bằng cạnh của tờ giấy màu hình vuông. Hỏi tờ giấy màu hình vuông có diện tích là bao nhiêu mi-li-mét vuông?

Lời giải

Chiều rộng tờ giấy màu hình chữ nhật là:

$$\left(\frac{43}{5} - \frac{3}{5}\right) : 2 = 4 \text{ (cm)}$$

Cạnh tờ giấy màu hình vuông là 4 cm.

Diện tích tờ giấy màu hình vuông là:

$$4 \times 4 = 16 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đổi: $16 \text{ cm}^2 = 1600 \text{ mm}^2$

Đáp số: 1600 mm^2

Bài 4 (0,5 điểm). Viết phân số $\frac{9}{20}$ thành tổng hai phân số tối giản có cùng tử số và mẫu số khác nhau.

Lời giải

Trả lời: $\frac{9}{20} = \frac{3}{20} + \frac{3}{10} = \frac{1}{5} + \frac{1}{4}$.

Ta có:

$$9 = 1 + 8 = 2 + 7 = 3 + 6 = 4 + 5$$

$$\frac{9}{20} = \frac{1+8}{20} = \frac{1}{20} + \frac{8}{20} = \frac{1}{20} + \frac{2}{5} \text{ (không thỏa mãn)}$$

$$\frac{9}{20} = \frac{2+7}{20} = \frac{2}{20} + \frac{7}{20} = \frac{1}{10} + \frac{7}{20} \text{ (không thỏa mãn)}$$

$$\frac{9}{20} = \frac{3+6}{20} = \frac{3}{20} + \frac{6}{20} = \frac{3}{20} + \frac{3}{10} \text{ (thỏa mãn)}$$

$$\frac{9}{20} = \frac{4+5}{20} = \frac{4}{20} + \frac{5}{20} = \frac{1}{5} + \frac{1}{4} \text{ (thỏa mãn)}$$

Vậy ta có thể viết phân số $\frac{9}{20}$ thành tổng hai phân số tối giản có cùng tử số và mẫu số khác nhau

là: $\frac{9}{20} = \frac{3}{20} + \frac{3}{10} = \frac{1}{5} + \frac{1}{4}$.



ĐỀ SỐ 3

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	A	B	D	C	D	B	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Điền dấu ">, <, =" thích hợp vào ô trống:

a) $1\text{ m}^2 5\text{ dm}^2$ 15 dm^2

b) $12\ 000\text{ mm}^2$ 120 cm^2

c) $2\ 034\text{ dm}^2$ $200\text{ m}^2 34\text{ dm}^2$

d) 1 m^2 $10\ 000\text{ cm}^2$

Lời giải

a) $1\text{ m}^2 5\text{ dm}^2$ 15 dm^2

b) $12\ 000\text{ mm}^2$ 120 cm^2

c) $2\ 034\text{ dm}^2$ $200\text{ m}^2 34\text{ dm}^2$

d) 1 m^2 $10\ 000\text{ cm}^2$

Bài 2 (1,5 điểm).

1) Thực hiện phép tính: $\frac{9}{10} - \left(\frac{2}{5} + \frac{3}{10}\right) + \frac{7}{20}$

2) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $-\frac{4}{9} = \frac{1}{9}$

b) $\frac{2}{8} + \dots = \frac{5}{8}$

Lời giải

1) Thực hiện phép tính:

$$\frac{9}{10} - \left(\frac{2}{5} + \frac{3}{10}\right) + \frac{7}{20} = \frac{9}{10} - \left(\frac{4}{10} + \frac{3}{10}\right) + \frac{7}{20} = \frac{9}{10} - \frac{7}{10} + \frac{7}{20} = \frac{2}{10} + \frac{7}{20} = \frac{4}{20} + \frac{7}{20} = \frac{11}{20}$$

2) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{1}{9} + \frac{4}{9} = \frac{5}{9}$

Phân số cần điền vào chỗ chấm là: $\frac{5}{9}$

b) $\frac{5}{8} - \frac{2}{8} = \frac{3}{8}$

Phân số cần điền vào chỗ chấm là: $\frac{3}{8}$

Bài 3 (2 điểm). Một hình chữ nhật có nửa chu vi là $\frac{47}{2}$ cm. Nếu chiều dài bớt đi $\frac{11}{2}$ cm thì sẽ được chiều rộng. Tính chiều rộng của hình chữ nhật đó.

Lời giải

Vì chiều dài bớt đi $\frac{11}{2}$ cm thì sẽ được chiều rộng nên chiều dài hơn chiều rộng là $\frac{11}{2}$ cm.

Chiều rộng của hình chữ nhật là: $\left(\frac{47}{2} - \frac{11}{2}\right) : 2 = 9$ (cm)

Đáp số: 9 cm

Bài 4 (0,5 điểm). Tìm 5 phân số nằm giữa hai phân số $\frac{1}{7}$ và $\frac{1}{6}$.

Lời giải

Trả lời: Các phân số thoả mãn là $\frac{6}{37}; \frac{6}{38}; \frac{6}{39}; \frac{6}{40}; \frac{6}{41}$ (Học sinh có thể có những đáp án khác)

Ta có:

$$\frac{1}{7} = \frac{1 \times 6}{7 \times 6} = \frac{6}{42}$$

$$\frac{1}{6} = \frac{1 \times 6}{6 \times 6} = \frac{6}{36}$$

5 phân số nằm giữa $\frac{6}{42}$ và $\frac{6}{36}$ là: $\frac{6}{37}; \frac{6}{38}; \frac{6}{39}; \frac{6}{40}; \frac{6}{41}$

Vậy 5 phân số nằm giữa $\frac{1}{7}$ và $\frac{1}{6}$ là: $\frac{6}{37}; \frac{6}{38}; \frac{6}{39}; \frac{6}{40}; \frac{6}{41}$.

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	B	D	C	C	C	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) $467\ 218 + 56\ 728$

b) $842\ 310 - 807\ 897$

c) 745×24

d) $87\ 830 : 35$

Lời giải

a) $467\ 218 + 56\ 728 = 523\ 946$

b) $842\ 310 - 807\ 897 = 34\ 413$

c) $745 \times 24 = 17\ 880$

d) $87\ 830 : 35 = 2509$ (dư 15)

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2 (1,5 điểm). Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $18\ 880 \times 15 - 18\ 880 \times 5$

b) $345 \times 24 + 345 \times 75 + 345$

Lời giải

a) $18\ 880 \times 15 - 18\ 880 \times 5$
 $= 18\ 880 \times (15 - 5)$
 $= 18\ 880 \times 10$
 $= 188\ 800$

b) $345 \times 24 + 345 \times 75 + 345$
 $= 345 \times 24 + 345 \times 75 + 345 \times 1$
 $= 345 \times (24 + 75 + 1)$
 $= 345 \times 100$
 $= 34\ 500$

Bài 3 (2 điểm). Lớp 4A có 40 bạn, mỗi bạn gấp được 156 ngôi sao. Lớp 4B có 39 bạn và gấp được số ngôi sao bằng số ngôi sao của lớp 4A. Hỏi trung bình mỗi bạn lớp 4B gấp được bao nhiêu ngôi sao?

Lời giải

Lớp 4A gấp được số ngôi sao là: $156 \times 40 = 6240$ (ngôi sao)

Trung bình mỗi bạn lớp 4B gấp được số ngôi sao là: $6240 : 39 = 160$ (ngôi sao)

Đáp số: 160 ngôi sao

Bài 4 (0,5 điểm). Tìm y , biết: $y \times 3 + y \times 7 = 15\ 090$

Lời giải

Trả lời: $y = 1509$

$y \times 3 + y \times 7 = 15\ 090$

$y \times (3 + 7) = 15\ 090$

$y \times 10 = 15\ 090$

$y = 15\ 090 : 10$

$y = 1\ 509$

ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	B	a) – g) b) – d) c) – e)	A	B	D	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Dưới đây là bảng ghi số đường đã bán của một cửa hàng trong tháng 11 năm 2023:

Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4
2 050 kg	2 130 kg	2 210 kg	2 290 kg

- a) Trung bình mỗi tuần cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường?
b) Trung bình mỗi ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường? (Coi như ngày nào cũng bán hàng)

Lời giải

a) Trung bình mỗi tuần cửa hàng đó bán được số ki-lô-gam đường là:

$$(2\ 050 + 2\ 130 + 2\ 210 + 2\ 290) : 4 = 2\ 170 \text{ (kg)}$$

b) Đổi: 1 tuần = 7 ngày

Trung bình mỗi ngày cửa hàng đó bán được số ki-lô-gam đường là:

$$2\ 170 : 7 = 310 \text{ (kg)}$$

Đáp số: a) 2 170 kg đường; b) 310 kg đường

Bài 2 (1,5 điểm).

1) Tìm y, biết:

a) $7\ 875 : y = 45$

b) $y : 3\ 435 = 18$

2) Tính giá trị của biểu thức sau:

a) $25\ 800 : 100 + 32 \times 11$

b) $789 \times 101 - 789$

Lời giải

1) Tìm y, biết:

a)

$$7\ 875 : y = 45$$

$$y = 7\ 875 : 45$$

$$y = 175$$

b)

$$y : 3\ 435 = 18$$

$$y = 18 \times 3\ 435$$

$$y = 61\ 830$$

2) Tính giá trị của biểu thức sau:

a) $25\ 800 : 100 + 32 \times 11$

$$= 258 + 352$$

$$= \mathbf{610.}$$

b) $789 \times 101 - 789$

$$= 789 \times 101 - 789 \times 1$$

$$= 789 \times (100 - 1)$$

$$= 789 \times 100$$

$$= \mathbf{78\ 900.}$$

Bài 3 (2 điểm). Lúc đầu nhà trường thuê 3 xe ô tô chở vừa đủ 120 học sinh khối Ba đi tham quan. Sau đó có thêm 80 học sinh khối Bốn đi cùng. Hỏi phải thuê tất cả bao nhiêu xe loại đó để chở hết học sinh khối Ba và học sinh khối Bốn đi tham quan?

Lời giải

1 xe chở được số học sinh là: $120 : 3 = 40$ (học sinh)

Tổng số học sinh khối Ba và khối Bốn đi tham quan là: $120 + 80 = 200$ (học sinh)

Cần thuê số xe là: $200 : 40 = 5$ (xe)

Đáp số: 5 xe

Bài 4 (0,5 điểm). Tìm số bị chia và số chia bé nhất để phép chia đó có thương là 123 và số dư là 44.

Lời giải

Trả lời: Số bị chia là 5 579, số chia là: 45.

Vì số dư trong phép chia là 44 nên số chia bé nhất là 45.

Số bị chia là:

$$123 \times 45 + 44 = 5\ 579$$

ĐỀ SỐ 6

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	D	C	B	C	A	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) $186\ 954 + 247\ 436$

b) $839\ 084 - 246\ 937$

c) 428×39

d) $4\ 928 : 44$

Lời giải

a) $186\ 954 + 247\ 436 = 434\ 390$

b) $839\ 084 - 246\ 937 = 592\ 147$

c) $428 \times 39 = 16\ 692$

d) $4\ 928 : 44 = 112$

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2 (1,5 điểm). Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $25 \times 12 \times 30 \times 4$

b) $248 \times 2005 - 2005 \times 148$

Lời giải

a) $25 \times 12 \times 30 \times 4 = (25 \times 4) \times (12 \times 30) = 100 \times 360 = 36\ 000$

b) $248 \times 2005 - 2005 \times 148 = 2005 \times (248 - 148) = 2005 \times 100 = 200\ 500$

Bài 3 (2 điểm). Biết rằng trung bình cân nặng của ba bạn Hoàng, An và Nam là 33 kg, trong đó bạn Hoàng cân nặng 35 kg, bạn An cân nặng 31 kg. Hỏi bạn Nam cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?**Lời giải**Tổng cân nặng của ba bạn Hoàng, An và Nam là: $33 \times 3 = 99$ (kg)Cân nặng của bạn Nam là: $99 - 35 - 31 = 33$ (kg)

Đáp số: 33 kg

Bài 4 (0,5 điểm). Mua 5 bút xanh và 3 bút đỏ hết 19 000 đồng. Số tiền mua 5 bút xanh nhiều hơn 2 bút đỏ là 4 000 đồng. Tính giá tiền 1 bút đỏ.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: 3 000 đồng

Giá tiền của 5 bút đỏ là: $19\ 000 - 4\ 000 = 15\ 000$ (đồng)

Giá tiền của 1 bút đỏ là: $15\ 000 : 5 = 3\ 000$ (đồng)

Đáp số: 3 000 đồng



ON THI
123

ĐỀ SỐ 7

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	C	C	D	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (1,5 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) $186\ 954 + 247\ 436$

b) $849\ 084 - 246\ 937$

c) 123×45

d) $180\ 891 : 15$

Lời giải

a) $186\ 954 + 247\ 436 = 434\ 390$

b) $849\ 084 - 246\ 937 = 602\ 147$

c) $123 \times 45 = 5535$

d) $180\ 891 : 15 = 12\ 059$ (dư 6)

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2 (2 điểm).

1) Tìm y , biết: $y - 125\ 945 = 215\ 879 \times 3$

2) Tính thuận tiện: $720 \times 2 + 720 \times 3 + 720 \times 5$

Lời giải

1) $y - 125\ 945 = 215\ 879 \times 3$

$y - 125\ 945 = 647\ 637$

$y = 647\ 637 + 125\ 945$

$y = 773\ 582$

2) $720 \times 2 + 720 \times 3 + 720 \times 5$

$= 720 \times (2 + 3 + 5)$

$= 720 \times 10$

$= 7200$

Bài 3 (2 điểm). Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 192 m, chiều rộng kém chiều dài 4 m. Người ta cấy lúa trên thửa ruộng đó, trung bình cứ 100 m² thu hoạch được 70 kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Lời giải

Nửa chu vi thửa ruộng là: $192 : 2 = 96$ (m)

Chiều rộng thửa ruộng là: $(96 - 4) : 2 = 46$ (m)

Chiều dài thửa ruộng là: $96 - 46 = 50$ (m)

Diện tích thửa ruộng là: $50 \times 46 = 2\,300$ (m²)

Cả thửa ruộng đó thu hoạch được số ki-lô-gam thóc là: $70 \times 2\,300 : 100 = 1\,610$ (kg)

Đáp số: 1 610 kg thóc

Bài 4 (0,5 điểm). Trong một phép chia có số chia là 33, số dư 12. Hỏi phải thêm vào số bị chia bao nhiêu đơn vị để phép chia thành phép chia hết và thương tăng 2 đơn vị?

Lời giải

Trả lời: 54 đơn vị

Để phép chia về phép chia hết thì số bị chia giảm đi 12 đơn vị.

Để thương tăng 2 đơn vị thì số bị chia tăng: $33 \times 2 = 66$ (đơn vị)

Vậy để phép chia thành phép chia hết và thương tăng 2 đơn vị thì cần thêm vào số bị chia:

$$66 - 12 = 54 \text{ (đơn vị).}$$



ĐỀ SỐ 8

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	8000	C	B	B	con cua	5	B	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $368\ 513 + 206\ 567$

b) $926\ 485 - 62\ 926$

c) 217×45

d) $3648 : 32$

Lời giải

a) $368\ 513 + 206\ 567 = 575\ 080.$

b) $926\ 485 - 62\ 926 = 863\ 559.$

c) $217 \times 45 = 9765.$

d) $3648 : 32 = 114.$

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (1,5 điểm)

a) Tìm x , biết:

$10 \times x + 23 = 53$

b) Tính bằng cách thuận tiện:

$123 \times 350 + 123 \times 649 + 123$

Lời giải

a) $10 \times x + 23 = 53$

$10 \times x = 53 - 23$

$10 \times x = 30$

$x = 30 : 10$

$x = 3$

b) $123 \times 350 + 123 \times 649 + 123$

$= 123 \times (350 + 649 + 1)$

$= 123 \times 1000$

$= 123\ 000.$

Bài 3. (2 điểm) Hai bạn Hạ và Đông hái táo trong vườn, trung bình mỗi bạn hái được 65 quả. Biết Hạ hái được ít hơn Đông 12 quả. Hỏi mỗi bạn hái được bao nhiêu quả táo?

Lời giải

Cả hai bạn hái được số quả táo là: $65 \times 2 = 130$ (quả).Đông hái được số quả táo là: $(130 + 12) : 2 = 71$ (quả).Hạ hái được số quả táo là: $130 - 71 = 59$ (quả).

Đáp số: Hạ: 59 quả táo;

Đông: 71 quả táo.

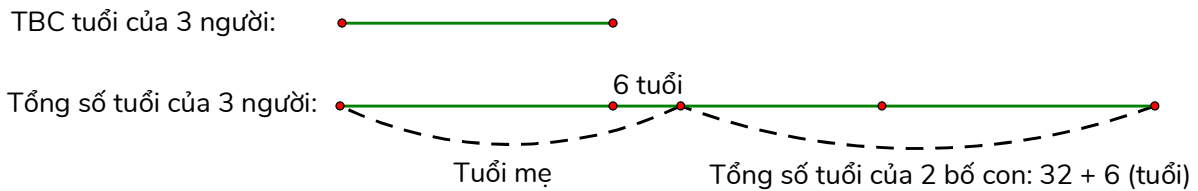
Bài 4. (0,5 điểm) Hiện nay bố 32 tuổi, con 6 tuổi. Tuổi mẹ nhiều hơn tuổi trung bình cộng của ba người là 6 tuổi. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Hiện nay tuổi của mẹ là: **28 tuổi**.

(Ta có sơ đồ:

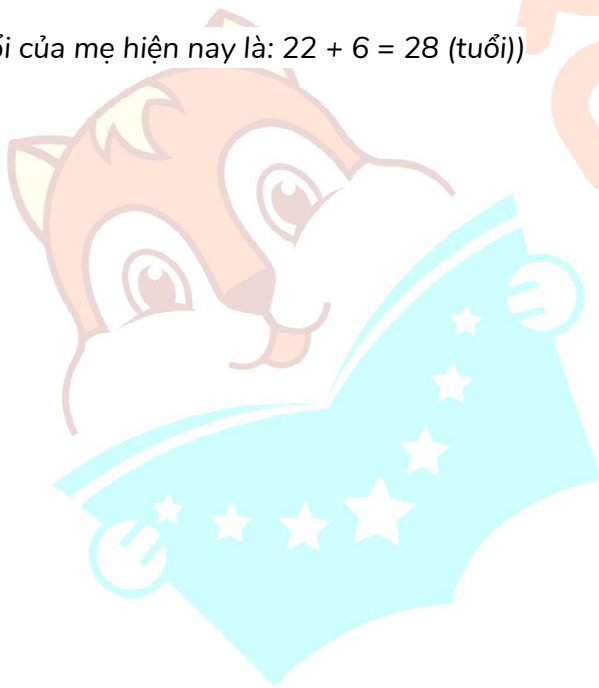


Theo sơ đồ ta có:

2 lần trung bình cộng số tuổi của ba người là: $32 + 6 + 6 = 44$ (tuổi).

Trung bình cộng số tuổi của ba người là: $44 : 2 = 22$ (tuổi).

Tuổi của mẹ hiện nay là: $22 + 6 = 28$ (tuổi)



ĐỀ SỐ 9

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 - 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	186	200	B	D	3; 100	C	D	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $579\ 108 + 225\ 956$

b) $4\ 358\ 179 - 429\ 085$

c) 372×36

d) $16\ 325 : 27$

Lời giải

a) $579\ 108 + 225\ 956 = 805\ 064.$

b) $4\ 358\ 179 - 429\ 085 = 3\ 929\ 094.$

c) $372 \times 36 = 13\ 392.$

d) $16\ 325 : 27 = 604$ (dư 17).

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) $1602 : 3 + 1398 : 3;$

b) $(2024 \times 99 + 2024) - (2023 \times 101 - 2023).$

Lời giải

a) $1602 : 3 + 1398 : 3$

$= (1602 + 1398) : 3$

$= 3000 : 3$

$= 1000$

b) $(2024 \times 99 + 2024) - (2023 \times 101 - 2023)$

$= 2024 \times (99 + 1) - 2023 \times (101 - 1)$

$= 2024 \times 100 - 2023 \times 100$

$= (2024 - 2023) \times 100$

$= 1 \times 100 = 100.$

Bài 3. (2,5 điểm) Vườn trường Hạnh phúc dạng hình chữ nhật có chu vi là 166m và chiều rộng kém chiều dài 13m.

a) Tính diện tích của vườn trường.

b) Trên đó người ta trồng rau cải xanh, cứ mỗi mét vuông thu hoạch được 5kg rau cải xanh.

Hỏi trên cả vườn trường đó thu hoạch được bao nhiêu tạ rau cải xanh?

Lời giải

a) Nửa chu vi của vườn trường là: $166 : 2 = 83$ (m).

Chiều dài của vườn trường là: $(83 + 13) : 2 = 48$ (m).

Chiều rộng của vườn trường là: $48 - 13 = 35$ (m).

Diện tích của vườn trường là: $48 \times 35 = 1680$ (m²).

b) Trên vườn trường đó thu hoạch được số tạ rau là:

$5 \times 1680 = 8400$ (kg) = 84 tạ.

Đáp số: a) 1680m²;

b) 84 tạ.

Bài 4. (0,5 điểm) Khi nhân một số tự nhiên với 25, do lúng túng, bạn Lan đã viết nhầm thêm chữ số 3 vào bên phải thừa số 25 nên đã làm cho kết quả tăng 32 376 đơn vị. Em hãy giúp bạn tìm tích đúng của phép nhân đó.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Tích đúng của phép nhân đó là: **3550**.

(Thừa số thứ hai lúc sau khi Lan viết nhầm là: 253.

Vậy thừa số thứ hai lúc sau đã tăng thêm là: $253 - 25 = 228$ (đơn vị).

Thừa số thứ hai tăng thêm 228 đơn vị thì tích tăng thêm bằng 228 lần thừa số thứ nhất.

Mà tích tăng 32 376 đơn vị nên 228 lần thừa số thứ nhất bằng 32 376.

Thừa số thứ nhất là: $32\ 376 : 228 = 142$.

Tích đúng của phép nhân đó là: $142 \times 25 = 3550$)

